

Bản án số: **69/2022/DS-ST**

Ngày: 29 - 9 - 2022

V/v: Tranh chấp về quyền sở hữu tài
sản và yêu cầu về bồi thường thiệt hại
về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Điều Khuê

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2019/TLST – DS ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2022/QĐXXST – DS ngày 19 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Điều K, sinh năm 1978 (Có mặt)

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo quyền: Ông Điều Duy Đ, sinh năm 1962 (Có mặt)

Trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1962

Bà Mai Thị T, sinh năm 1964

Cùng trú tại: Thôn E, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Thị A, sinh năm 1979 (Có mặt)

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- Ông Điều Ma R, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964

Cùng trú tại: Thôn G, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- Anh Điều Hoài Đ, sinh năm 1986

- Ông Điều H, sinh năm 1950
- Anh Điều Hoài Đ1, sinh năm 1985

Cùng trú tại: Thôn G, xã A, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê H - Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1976 - Trưởng phòng Kỹ thuật quản lý bảo vệ rừng của Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Điều K và người đại diện theo ủy quyền ông Điều Duy Đ trình bày:

Vào khoảng năm 2002, năm 2003 ông Điều K có khai phá được diện tích đất khoảng hơn 1,3 ha (đo đạc thực tế là 14.695m²) tại khoảnh 3, tiểu khu 175 do Ban quản lý rừng phòng hộ Phú Sơn (cũ) quản lý tại xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Khi khai phá ông K không biết đất này của Ban quản lý rừng phòng hộ vì không thấy ai ngăn cản. Sau khi khai phá xong thì ông K có trồng 336 cây điều, cây hoa màu ngắn ngày, 40 bụi chuối và 13 cây mít. Vợ chồng ông K trực tiếp chăm sóc, thu hoạch cây trồng trên đất thì đến ngày 25/3/2012 có một số người lạ vào đe dọa không cho làm rẫy. Sau đó, ông Trần Văn M và bà Mai Thị T đến quản lý toàn bộ diện tích đất này nên ông K và một số hộ dân khác có làm đơn khiếu nại đến ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng nhưng không được giải quyết thấu đáo. Ông K nhận thấy việc ông M, bà T tự vào lấn chiếm đất của ông K, thu hoa màu của gia đình ông K là xâm phạm đến quyền lợi của mình nên khởi kiện yêu cầu tòa án công nhận tài sản là 336 cây điều trồng năm 2003, 13 cây mít trồng năm 2003 và 40 bụi chuối trồng năm 2003 trên diện tích đất 14.695m² là tài sản hợp pháp của ông K. Yêu cầu ông M, bà T bồi thường hoa lợi, lợi tức từ cây điều, cây mít, cây chuối mà ông K không được thu từ năm 2012 đến năm 2019 là 550.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông K không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trần Văn M, bà Mai Thị T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn M trình bày: Vào khoảng cuối năm 2012, biết ông Điều Ma R có nhu cầu sang nhượng phần đất khoảng 03 ha đất rẫy tại khoảnh 3, tiểu khu 175 tại thôn 29, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước nên ông M đã liên hệ mua với giá 150 triệu đồng. Tới ngày 23/11/2012, vợ chồng ông M, bà T mua thêm của vợ chồng ông Ma R 05 Sào đất nữa với giá 29 triệu đồng, tới ngày 01/5/2013 thì tiếp tục mua của vợ chồng ông Ma R thêm 02 ha. Tổng diện tích vợ chồng ông M, bà T mua của vợ chồng ông Ma R là 5,5 ha. Nhưng do ông Ma R nói với ông M là đất giao khoán nên phải ký hợp đồng ủy quyền để hợp thức hóa việc chuyển nhượng quy định nên ông M mới đồng ý ký hợp đồng ủy quyền với ông Ma R ngày 20/02/2013.

Sau khi giao tiền thì ông M, bà T nhận đất quản lý sử dụng, trồng thêm cây điều vì trên đất mới khoảng một nửa là trồng điều khoảng 02, 03 năm tuổi và một số cây mít giáp ranh (không biết số lượng, trồng khoảng 02, đến 03 năm) và một số

bụi chuối trong đất nên ông M đã chặt cây chuối và mít. Sau khi trồng cây điều thì gia đình ông M chăm sóc, đầu tư và thu hoạch. Khi mới nhận đất có một số người đồng bào đến nhận đất của họ thì ông M có nói đất này ông M đã mua của ông Ma R nên họ bỏ đi (ông M không biết những người này là ai). Sau đó, ông M giao đất cho con trai là anh Trần Văn Phi thu hoạch điều thì có nghe anh Phi nói vào năm 2017 có một số người đồng bào (không biết là ai) vào lượm điều và cắt cây ăn trái. Sự việc này bên phía ông M có báo với chính quyền địa phương nhưng không thấy giải quyết, từ đó cho tới nay không ai có ý kiến hay tranh chấp gì. Khi nhận đất của ông Ma R thì ông M cũng không thấy gia đình anh Krung sử dụng canh tác trên đất mà đất do vợ chồng ông Điều Ma R quản lý. Khi được Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án thì ông M mới biết ông K khởi kiện vợ chồng ông M, bà T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông K thì ông M bà T không đồng ý vì phần đất này ông M, bà T nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Ma R; ông M, bà T đã trồng thêm cây điều, đầu tư, chăm sóc và thu hoạch ổn định từ năm 2013 cho tới nay. Quá trình sử dụng không thấy ông K tranh chấp, nếu anh Krung có tranh chấp hay yêu cầu bồi thường thì yêu cầu ông Ma R bồi thường, không liên quan gì đến ông M, bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều Ma R và bà Nguyễn Thị Th trình bày: Vào năm 2009, ông Ma R được Ban quản lý rừng phòng hộ Thọ Sơn cũ (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ Bồ Đăng) giao khoán đất theo hợp đồng giao khoán số 06/2009 ngày 16/3/2009 với diện tích 12 ha tại Khoảnh 3, tiểu khu 175. Khi nhận giao khoán thì đất là đất rừng đã được chặt ngã dưới đất nên ông Ma R phải thuê người phát dọn, trên đất không thấy có cây điều. Sau khi phát dọn xong thì ông Ma R trồng cây điều. Sau đó, có một số hộ đồng bào mượn đất của ông Ma R để trồng mỳ trong đó có anh Điều K nhưng khi mượn không làm giấy mượn mà chỉ có chị Thị X và anh Điều Đ làm giấy. Đến khoảng năm 2012, 2013 do vợ chồng tuổi cao không canh tác được nên ngày 20/01/2013 ông Ma R ủy quyền cho vợ chồng ông M vào quản lý, sử dụng và thu hoạch điều, sau đó bán luôn đất cho ông M, việc chuyển nhượng này không thông qua Ban quản lý rừng phòng hộ và chuyển nhượng giấy tay với nhau, hiện ông Ma R vẫn là người đứng tên trong hợp đồng giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ Bồ Đăng, hiện giữa vợ chồng ông Ma R với vợ chồng ông M đều thống nhất với nhau về việc chuyển nhượng giấy tay này và không có bất kỳ tranh chấp nào giữa hai bên nên không có yêu cầu gì về việc chuyển nhượng này, hiện ông M vẫn đang là người trực tiếp quản lý, thu hoạch điều trên đất. Ngoài ra, ông Ma R không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Hoài Đ, ông Điều H, anh Điều Hoài Đ1 trình bày: Ông H, anh Đ, anh Đ1 có cùng với ông Điều Ma R ký hợp đồng giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ Thọ Sơn cũ với diện tích đất khoảng 12 ha tại khoảnh 3, tiểu khu 175. Việc ký kết hợp đồng, nhận đất với Ban quản lý rừng phòng hộ Thọ Sơn đều do ông Ma R thực hiện. Việc ông Ma R bán đất giao khoán cho ông Trần Văn M, bà Mai Thị T đều có sự nhất trí, thống nhất của ông H, anh Đ, anh Đ1. Nay trước sự việc tranh chấp với một số hộ dân đồng bào thì ông H, anh Đ, anh Đ1 thống nhất với toàn bộ lời trình bày, yêu cầu, ý kiến của ông Ma R và không có bất cứ yêu cầu hay ý kiến nào khác. Đồng thời ông H, anh Đ, anh Đ1 xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị A: Bà A thống nhất với ý

kiến và yêu cầu của ông Điều Duy Đ với ông Điều K và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng và đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Ch trình bày:

Trong tổng số diện tích 14.695,0m² mà phía ông K đang tranh chấp tại thôn Sơn Lang, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước thì có 11.480,6m² nằm trong diện tích đất giao khoán cho tập thể gồm ông Điều Ma R, Điều Hoài Đ, Điều H, Điều Hoài Đ1 (Do ông Điều Ma R đại diện) tại Hợp đồng giao khoán số 06/2009/HĐ ngày 16/3/2009 giữa Ban quản lý rừng phòng hộ Thọ Sơn với ông Điều Ma R đại diện thực hiện giao khoán....Diện tích còn lại 3.214,4m² không được Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng giao khoán, trong đó ông K xâm canh sử dụng trái phép 3.110m², ông Điều Thao xâm canh sử dụng trái phép 103,4m². Tại vị trí này UBND tỉnh Bình Phước đã cho Hợp tác xã Dịch vụ thương mại tổng hợp Nông Lâm nghiệp Đăng Lâm thuê tại Quyết định 247/QĐ- UBND ngày 26/01/2011. Do hợp tác xã Đăng Lâm triển khai chậm tiến độ nên UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 về việc thu hồi đất của Hợp tác xã Đăng Lâm, giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bù Đăng quản lý. Đến ngày 02/9/2019 UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành quyết định số 1613/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Bình Phước với lý do thực hiện theo Quyết định số 775/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết khiếu nại của Hợp tác xã Đăng Lâm...Đến ngày 07/9/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 2267/QĐ-UBND-NC về việc hủy bỏ Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi đất của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bù Đăng, cho thuê và cấp giấy CNQSDĐ cho Hợp tác xã Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Nông lâm nghiệp Đăng Lâm. Do đó, hiện nay diện tích đất 3.214,4m² đang được quản lý bởi Ban quản lý. Diện tích đất còn lại 3.214,4m² không nằm trong diện tích giao khoán mà thuộc Lâm phần của Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng quản lý, quy hoạch sản xuất các hộ dân xâm canh trái phép, vì vậy thuộc đối tượng phải thu hồi để trồng lại rừng.

Vào tháng 02/2009 thực hiện theo Công văn 2735/UBND-SX ngày 02/11/2007 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thuận chủ trương cho Công ty sản xuất xây dựng, Thương mại và Nông nghiệp Hải Vương liên doanh với Ban quản lý rừng phòng hộ Thọ Sơn để trồng rừng nguyên liệu và trồng cao su thì Công ty Hải Vương đã thuê Phân viện điều tra quy hoạch Rừng Nam bộ (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) thực hiện việc kiểm kê hiện trạng đất Lâm nghiệp tại khoảnh 1,2,3,4,5 tiểu khu 175. Đến ngày 03/3/2009 Ban quản lý rừng phòng hộ Thọ Sơn và đại diện ông Điều Ma R, ông Điều Hoài Đ tiến hành xác minh hiện trạng đất tại khu vực khoảnh 3 tiểu khu 175 với diện tích khoảng 12 ha thì hiện trạng rừng nửa gỗ có diện tích khoảng 7,6 ha; rừng tự nhiên đã bị phá trái phép cây còn nằm ngổn ngang chưa đốt diện tích khoảng 1,2 ha. Hiện trường rừng bị phá năm 2007, 2008 có một số cây tái sinh, cỏ lác đác còn một số cây gỗ đứng, diện tích khoảng 02ha; hiện trạng rẫy mì đã thu hoạch khoảng 1,2ha, không thấy có cây điều. Tới ngày 16/3/2009 Ban quản lý rừng phòng hộ Thọ Sơn cũ đã lập biên bản bàn giao rừng và

đất rừng giao khoán ngoài thực địa cho ông Điều Ma R, ông Điều Hoài Đ với hiện trạng như biên bản xác minh ngày 03/3/2009.

Việc ông Điều K cho rằng việc ông K xâm canh và trồng cây điều trên diện tích đất các bên đang tranh chấp từ năm 2003 là không có cơ sở. Đối với phần diện tích đất 11.480,6m² giao khoán cho ông Điều Ma R thì Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng vẫn thực hiện theo Hợp đồng số 06/2009/HĐ ngày 16/3/2009 giữa Ban quản lý rừng phòng hộ Thọ Sơn với ông Điều Ma Riêng là người đại diện.

Đối với phần đất có diện tích 3.214,4m² hiện nay do Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng quản lý, do các hộ dân xâm canh trái phép thuộc trường hợp phải thu hồi trồng lại rừng. Tuy nhiên, hiện nay chưa có chủ trương cụ thể nên đối với cây trồng trên đất đang cho thu hoạch nên Ban quản lý đề nghị tạm giao cho hộ dân đang trực tiếp quản lý tiếp tục thu hoạch, còn đối với đất thì phải giao trả lại cho Ban quản lý khi Nhà nước có yêu cầu.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Điều K và người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

Về yêu cầu khởi kiện công nhận quyền sở hữu tài sản: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Điều K không cung cấp được chứng cứ chứng minh quyền sở hữu đối với 336 cây điều trồng năm 2003, 13 cây mít trồng năm 2003 và 40 bụi chuối trồng năm 2003. Căn cứ Điều 221 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Điều K.

Về yêu cầu bồi thường hoa lợi, lợi tức: Do không có căn cứ xác định ông K có quyền sở hữu đối với 336 cây điều trồng năm 2003, 13 cây mít trồng năm 2003 và 40 bụi chuối trồng năm 2003 nên việc ông Điều K khởi kiện, yêu cầu ông Trần Văn M, bà Mai Thị T bồi thường hoa lợi, lợi tức thu được trên đất là không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Buộc đương sự nộp án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ông Điều K khởi kiện ông Trần Văn M và bà Mai Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sở hữu đối với 336 cây điều trồng năm 2003, 13 cây mít trồng năm 2003 và 40 bụi chuối trồng năm 2003 và yêu cầu ông Trần Văn M và bà Mai Thị T bồi thường hoa lợi, lợi tức thu được từ năm 2012 cho đến năm 2019 là 550.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản” là chưa đầy đủ. Nay, căn cứ vào khoản 2 và khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố

tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về bồi thường thiệt hại về tài sản*”. Bị đơn ông Trần Văn M và bà Mai Thị T cư trú tại thôn Đăng Lang, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn ông Trần Văn M, bà Mai Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bù Đăng, ông Điều Ma R, bà Nguyễn Thị Th*: Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông M, bà T, ông Ma R, bà Thôi và đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng nhưng những người này đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Trần Văn M, bà Mai Thị T, đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bù Đăng, ông Điều Ma R, bà Nguyễn Thị Th.

[3] *Về tư cách tham gia tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có xác định Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Hợp tác xã Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Nông lâm nghiệp Đăng Lâm là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, ngày 07/9/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 2267/QĐ-UBND-NC về việc hủy bỏ Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi đất của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bù Đăng, cho thuê và cấp giấy CNQSDĐ cho Hợp tác xã Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Nông lâm nghiệp Đăng Lâm. Phía Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Hợp tác xã Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Nông lâm nghiệp Đăng Lâm đều xác định hiện nay không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nói trên. Do đó, việc không đưa Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Hợp tác xã Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Nông lâm nghiệp Đăng Lâm tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Về nội dung

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận quyền sở hữu tài sản đối với 336 cây điều trồng năm 2003, 40 bụi chuối và 13 cây mít trồng năm 2003:

[4.1] Xét nguồn gốc, quá trình hình thành tài sản:

Theo nội dung đơn khởi kiện thì ông K cho rằng vào khoảng năm 2002, năm 2003 ông Điều K có khai phá được diện tích đất khoảng hơn 1,3 ha (đo đạc thực tế là 14.695m²) tại khoảnh 3, tiểu khu 175 do Ban quản lý rừng phòng hộ Thọ Sơn (cũ) quản lý tại xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Khi khai phá ông K không biết đất này của Ban quản lý rừng phòng hộ vì không thấy ai ngăn cản. Sau khi khai phá xong thì ông K có trồng 336 cây và cây hoa màu ngắn ngày, 40 bụi chuối và 13 cây mít. Ông K chăm sóc, quản lý, thu hoạch hoa lợi đến năm 2012 thì bị ông Trần Văn M, bà Mai Thị T xâm chiếm và quản lý diện tích đất cùng tài sản trên đất cho đến nay.

Theo lời trình bày của ông Điều Ma R thì thời điểm năm 2009 khi ông Ma R nhận đất giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Thọ Sơn (cũ) thì trên đất chỉ có cây rừng đã bị chặt, không thấy có cây điều, sau đó ông Ma R mới trồng cây điều, tới năm 2012 thì chuyển nhượng lại cho ông M, bà T. Ông M, bà T xác định khi nhận đất của ông Ma R vào năm 2012 thì ông M, bà T thấy trên đất có một nửa

diện tích là trồng điều khoảng 02, 03 năm tuổi và một số cây mít trồng giáp ranh, sau đó vợ chồng ông M mới tiến hành trồng thêm điều trên toàn bộ diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông Ma R.

[4.2] Xét lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Tại báo cáo kiểm kê hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại khoảnh 1,2,3,4,5, tiểu khu 174 và khoảnh 1,2,3,4,7 tiểu khu 175 do Ban quản lý rừng phòng hộ Bồ Đăng quản lý tháng 02/2019 của Phân viện điều tra quy hoạch Rừng Nam bộ (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) thì trên toàn bộ diện tích đất các khoảnh này là đất rừng, không có cây điều.

Tại biên bản xác minh hiện trạng đất tại khu vực khoảnh 3 tiểu khu 175 ngày 03/3/2009 của Ban quản lý rừng phòng hộ Thọ Sơn (cũ) và ông Điều Ma R, ông Điều Hoài Đ thì trên diện tích đất giao khoán cho ông Ma R, ông Điều Hoài Đ khoảng 12 ha có hiện trạng như sau: Rừng nửa gỗ có diện tích khoảng 7,6 ha; rừng tự nhiên đã bị phá trái phép cây còn nằm ngổ ngang chưa đốt diện tích khoảng 1,2 ha; rừng bị phá năm 2007, 2008 có một số cây tái sinh, cỏ lác đác còn một số cây gỗ đứng, diện tích khoảng 02ha; hiện trạng rẫy mì đã thu hoạch khoảng 1,2ha; không thấy có cây điều. Tới ngày 16/3/2009 Ban quản lý rừng phòng hộ Thọ Sơn (cũ) đã lập biên bản bàn giao rừng và đất rừng giao khoán ngoài thực địa cho ông Điều Ma R, ông Điều Hoài Đ với hiện trạng như biên bản xác minh ngày 03/3/2009. Đối với phần diện tích đất 3.214,4m² không nằm trong phần diện tích đất giao khoán mà do UBND tỉnh Bình Phước đã cho Hợp tác xã Dịch vụ thương mại tổng hợp Nông Lâm nghiệp Đăng Lâm thuê tại Quyết định 247/QĐ- UBND ngày 26/01/2011, tuy nhiên hiện nay phần diện tích đất này đang do Ban quản lý rừng phòng hộ Bồ Đăng quản lý nhưng do ông M, bà T sử dụng. Tại biên bản xác minh thực tế hiện trường diện tích đất tranh chấp của 05 hộ dân ngày 10/01/2017 của Ban quản lý rừng phòng hộ Bồ Đăng tại khoảnh 3 tiểu khu 175 thì hiện trạng cây trồng trên đất có cây điều từ 02 đến 05 tuổi rải rác có một số cây chuối.

[4.3] Như vậy, lời trình bày của ông Điều Ma R về hiện trạng cây trồng trên đất tại thời điểm nhận đất giao khoán năm 2009 không có cây điều là phù hợp với lời trình bày của ông M, bà T và kết quả kiểm kê kiểm kê hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại khoảnh 1,2,3,4,5, tiểu khu 174 và khoảnh 1,2,3,4,7 tiểu khu 175 do Ban quản lý rừng phòng hộ Bồ Đăng quản lý tháng 02/2019 của Phân viện điều tra quy hoạch Rừng Nam bộ thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; kết quả xác minh hiện trạng đất tại khu vực khoảnh 3 tiểu khu 175 ngày 03/3/2009 của Ban quản lý rừng phòng hộ Thọ Sơn (cũ); biên bản bàn giao rừng và đất rừng giao khoán ngoài thực địa giữa Ban quản lý rừng phòng hộ Thọ Sơn với ông Điều Ma R, ông Điều Hoài Đ ngày 16/3/2009; biên bản xác minh thực tế hiện trường diện tích đất tranh chấp của 05 hộ dân ngày 10/01/2017 của Ban quản lý rừng phòng hộ Bồ Đăng.

[4.4] Mặc dù tại Báo cáo kết quả xác định độ tuổi cây rừng của Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp Nam bộ ngày 29/4/2021 xác định độ tuổi của cây điều thu thập trên phần diện tích đất tranh chấp với ông M, bà T có độ tuổi là 19 tuổi. Tuy nhiên, đây chỉ là kết quả của một cây điều trong tổng số cây điều được trồng trên diện tích đất 14.695,0m² mà các bên tranh chấp. Ông K không chứng minh được cây điều này là do ông K trồng. Hơn nữa như đã phân tích ở trên về hiện trạng cây trồng trên phần đất tranh chấp tại thì không có cơ sở chứng minh trên đất có trồng 336 cây điều, 13 cây mít và 40 bụi chuối từ năm 2003 và do ông

Điều K trồng. Nên yêu cầu của ông K về việc công nhận quyền sở hữu đối với tài sản là các loại cây trồng này là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Mặt khác, tại tờ trình xin khoanh nuôi và giữ 3 khu vực mồ mả và đất rẫy khai hoang tháng 01/2003 năm 2008 của 22 hộ dân là người đồng bào, trong đó có ông Điều K có nội dung các hộ dân xin Ủy ban nhân dân huyện Bù Đăng lấy lại 05 mẫu đất trồng điều khai hoang năm 2003. Tại biên bản làm việc ngày 22/6/2021 và tại phiên tòa, ông K cùng người đại diện theo ủy quyền là ông Điều Duy Đ xác định diện tích đất mà các hộ dân xin được canh tác, sử dụng chính là diện tích đất đang tranh chấp với ông M, bà T. Lý do làm bản tờ trình là vì biết đây là đất của Ban quản lý rừng nên làm đơn xin để sử dụng cho hợp pháp nhưng không được Cơ quan nào giải quyết nên vẫn sử dụng đất cho tới khi ông M, bà T vào chiếm sử dụng và tranh chấp. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 18/3/2022 với thì Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng thì phía Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng xác định thì phần đất theo tờ trình xin khoanh nuôi và giữ 3 khu vực mồ mả và đất rẫy khai hoang tháng 1/2003 của một số hộ đồng bào thuộc thôn Đăk La, xã Đăk Xuyên, huyện Bù Đăng không nằm trong diện tích đất 14.695m² mà các bên đang tranh chấp.

[6] Xét yêu cầu bồi thường hoa lợi, lợi tức đối với cây điều, cây mít, cây chuối mà ông M, bà T thu trên đất từ năm 2012 đến năm 2019 của ông K: Như đã phân tích ở trên, do không có cơ sở xác định cây điều, cây mít và cây chuối trồng trên đất là do ông K trồng và được trồng năm 2003, phía nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh ông Điều K là người trực tiếp chăm sóc, quản lý, canh tác trên phần diện tích đất tranh chấp nên yêu cầu bồi thường hoa lợi, lợi tức từ năm 2012 đến năm 2019 với số tiền 550.000.000 đồng của ông K là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về quyền sử dụng đất: Các đương sự đều xác định phần diện tích đất 14.695,0m² là đất lâm phần thuộc quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bù Đăng và không có yêu cầu giải quyết về quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 7.557.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của ông Điều K không được chấp nhận nên ông Điều K phải chịu theo quy định (ông K đã nộp).

Chi phí trưng cầu giám định là 5.000.000 đồng, do kết quả giám định không chứng minh yêu cầu của ông Điều K là có căn cứ nên ông Điều K phải chịu chi phí trưng cầu giám định này (ông K đã nộp).

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Điều K không được chấp nhận nên ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 13.300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009642 ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Ông Điều K phải nộp tiếp số tiền 13.000.000 đồng.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 221 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Điều K đối với ông Trần Văn M, bà Mai Thị T về công nhận quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về bồi thường thiệt hại về tài sản đối với 336 cây điều, 13 cây mít và 40 bụi chuối trên diện tích đất 14.695m² tại thôn Sơn Lang, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

2/ Về chi phí tố tụng: Buộc ông Điều K phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc là 7.557.000 đồng và chi phí trưng cầu giám định là 5.000.000 đồng (ông K đã nộp xong).

3/ Về án phí: Ông Điều K phải chịu 26.300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 13.300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0009642 ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Ông Điều K phải nộp tiếp số tiền 13.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toàn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND t.Bình Phước;
- VKSND h.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H.Bù Đăng;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào